

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 3

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số thập phân 0,5670 bằng phân số?

A. $\frac{5670}{1000}$

B. $\frac{567}{100}$

C. $\frac{5670}{100}$

D. $\frac{567}{1000}$

Phương pháp

Viết số thập phân dưới dạng phân số thập phân

Lời giải

$$\text{Ta có } 0,5670 = \frac{5670}{10000} = \frac{567}{1000}$$

Đáp án: D

Câu 2. Số thích hợp điền vào ô trống để được kết quả đúng là: $34,178 < 34,1\dots8$

A. 5

B. 6

C. 7

D. 8

Phương pháp

Nếu phần nguyên của hai số thập phân bằng nhau thì ta so sánh phần thập phân, lần lượt từ hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn ... đến cùng một hàng nào đó, số thập phân có chữ số ở hàng tương ứng lớn hơn thì số đó lớn hơn.

Lời giải

$$\text{Ta có } 34,178 < 34,188$$

Đáp án: D

Câu 3. Kết quả của phép tính $251,22 \times 0,01$ là:

A. 2,5122

B. 25,122

C. 25 122

D. 0,25122

Phương pháp

Muốn nhân một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001; ... ta chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên trái một, hai, ba, ... chữ số.

Lời giải

$$\text{Ta có } 251,22 \times 0,01 = 2,5122$$

Đáp án: A

Câu 4. Chị Mai có 15 lít mật ong. Chị muốn chia lượng mật ong đó vào các hũ, mỗi hũ đựng tối đa 800 ml mật ong. Hỏi chị cần ít nhất bao nhiêu hũ để đựng hết lượng mật ong đó?

A. 17 hũ

B. 18 hũ

C. 19 hũ

D. 20 hũ

Phương pháp

- Đổi: 800 ml = 0,8 l

- Thực hiện phép chia $15 : 0,8$ để tìm số hũ cần ít nhất

Lời giải

Đổi: $800 \text{ ml} = 0,8 \text{ l}$

Ta có $15 : 0,8 = 18,75$

Vậy cần ít nhất 19 hũ để đựng hết lượng mật ong đó.

Đáp án: C

Câu 5. Diện tích hình tam giác có chiều cao 6 dm và độ dài đáy 92 cm là:

- A. 276 cm^2 B. $2\ 760 \text{ cm}^2$ C. 552 dm^2 D. 276 dm^2

Phương pháp

Diện tích tam giác = độ dài đáy x chiều cao : 2

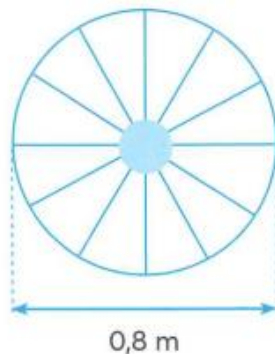
Lời giải

Đổi: $6 \text{ dm} = 60 \text{ cm}$

Diện tích hình tam giác là $(92 \times 60) : 2 = 2\ 760 \text{ (cm}^2\text{)}$

Đáp án: B

Câu 6. Một chiếc xe đạp có bánh xe dạng hình tròn với đường kính là 0,8 m. Hỏi khi bánh xe đó lăn được 10 vòng thì xe đạp đi được quãng đường dài bao nhiêu mét?



- A. 25,12 m B. 2,512 m C. 5,024 m D. 50,24 m

Phương pháp

- Tìm chu vi hình tròn = đường kính x 3,14

- Tìm độ dài quãng đường = chu vi hình tròn x số vòng

Lời giải

Chu vi hình tròn là $0,8 \times 3,14 = 2,512 \text{ (m)}$

Khi bánh xe đó lăn được 10 vòng thì xe đạp đi được quãng đường dài số mét là:

$2,512 \times 10 = 25,12 \text{ (m)}$

Đáp án: A

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Tính giá trị biểu thức (tính bằng cách thuận tiện nếu có thể)

a) $12,45 + 34,5 - 3,46 \times 3$

b) $(128,4 - 73,2) : 2,4 - 18,32$

c) $5,5 \times 4,2 + 2,7 \times 4,2 + 1,8 \times 4,2$

d) $0,5 \times 6,9 \times 8$

Phương pháp

a) Thực hiện phép tính nhân trước rồi đến phép tính cộng, trừ

b) Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện phép tính trong ngoặc trước

c) Áp dụng công thức $a \times b + a \times c = a \times (b + c)$

d) Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân

Lời giải

a) $12,45 + 34,5 - 3,46 \times 3 = 12,45 + 34,5 - 10,38$

$$= 46,95 - 10,38$$

$$= 36,57$$

b) $(128,4 - 73,2) : 2,4 - 18,32 = 55,2 : 2,4 - 18,32$

$$= 23 - 18,32$$

$$= 4,68$$

c) $5,5 \times 4,2 + 2,7 \times 4,2 + 1,8 \times 4,2 = 4,2 \times (5,5 + 2,7 + 1,8)$

$$= 4,2 \times 10$$

$$= 42$$

d) $0,5 \times 6,9 \times 8 = (0,5 \times 8) \times 6,9 = 4 \times 6,9 = 27,6$

Câu 2. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) $4\text{m}^2 8\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

b) $9\text{km}^2 72\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{km}^2$

c) $12\text{tấn} 6\text{kg} = \dots\dots\dots \text{tấn}$

d) $720\text{ha} = \dots\dots\dots \text{km}^2$

Phương phápÁp dụng cách đổi: $1\text{dm}^2 = \frac{1}{100} \text{m}^2$; $1\text{m}^2 = \frac{1}{1000000} \text{km}^2$

$$1\text{kg} = \frac{1}{1000} \text{tấn}; \quad 1\text{ha} = \frac{1}{100} \text{km}^2$$

Lời giải

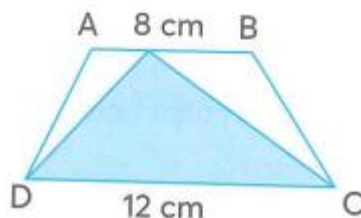
a) $4\text{m}^2 8\text{dm}^2 = \mathbf{4,08} \text{m}^2$

b) $9\text{km}^2 72\text{m}^2 = \mathbf{9,000072} \text{km}^2$

c) $12\text{tấn} 6\text{kg} = \mathbf{12,006} \text{tấn}$

d) $720\text{ha} = \mathbf{7,2} \text{km}^2$

Câu 3. Một tấm bìa hình thang ABCD có kích thước như hình bên. Biết diện tích phần tô màu trong hình là 36cm^2 . Tính diện tích hình thang ABCD.

**Phương pháp**

- Tìm chiều cao của hình tam giác = diện tích x 2 : độ dài đáy
- diện tích hình thang = (đáy lớn + đáy bé) x chiều cao : 2

Lời giải

Chiều cao của hình tam giác màu xanh là:

$$36 \times 2 : 12 = 6 \text{ (cm)}$$

Chiều cao của hình tam giác màu xanh = chiều cao của hình thang ABCD

Diện tích hình thang ABCD là:

$$(12 + 8) \times 6 : 2 = 60 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 60 cm²

Câu 4. Năm nay, nhà bác Minh thu hoạch được 2,25 tấn vải thiều. Bác dùng $\frac{1}{3}$ số vải thiều đó để sấy khô. Cứ 10 kg vải tươi cho ra thành phẩm là 2,5 kg vải sấy khô. Hỏi bác Minh thu được bao nhiêu ki-lô-gam vải sấy khô?

Phương pháp

- Đổi: 2,25 tấn sang đơn vị kg
- Tìm số kg vải thiều dùng để làm vải sấy khô
- Tìm số kg vải sấy kho thu hoạch được

Lời giải

Đổi: 2,25 tấn = 2 250 kg

Số kg vải thiều để làm vải sấy khô là:

$$2250 \times \frac{1}{3} = 750 \text{ (kg)}$$

Số kg vải sấy kho thu được là:

$$(750 : 10) \times 2,5 = 187,5 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 187,5 kg